

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2019/HC-PT

Ngày: 31-5-2019

V/v: Khiếu kiện quyết định hành chính,
hành vi trong lĩnh vực quản lý đất đai.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Đặng Văn Cường
- **Các Thẩm phán:** Ông Lương Thanh Chín, bà Trần Thị Thiên Hương
- **Thư ký phiên tòa:** Ông Thái Văn Trung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.
- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Xanh - Kiểm sát viên.

Ngày 31/5/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 03/2018/TLHC-PT ngày 20/12/2018 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2018/HC-ST ngày 25 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố PT bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 31/2019/QĐ-PT ngày 13.5.2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận, giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Bà Huỳnh Thị L, sinh năm 1967

Địa chỉ: Khu phố 3, phường ĐL, thành phố PT, tỉnh Bình Thuận.

Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T, thành phố PT, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Ông Nguyễn Ngọc Tr, chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T; Theo văn bản ủy quyền số 226/UBND-VP ngày 29.5.2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T.

Người kháng cáo: Bà Huỳnh Thị L.

Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện bà Huỳnh Thị L trình bày: Theo đơn ngày 01/02/2018 bà yêu cầu UBND xã T cho bà sao lục từ bản gốc trích từ sổ địa chính và các đơn kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất được xác lập từ năm 2003 trở về trước thuộc phạm vi các thửa đất mang số 66, 67... địa chỉ thôn Tiến Bình, xã T, TP. PT, tỉnh Bình Thuận thuộc tờ bản đồ số 01 năm 1995.

Ngày 26/02/2018 Ủy ban nhân dân xã T ban hành công văn số 63/UBND-ĐCXĐ không xem xét, giải quyết đơn của bà với lý do xã T đã cung cấp một số hồ sơ có liên quan theo yêu cầu của Tòa án. Do đó bà yêu cầu:

1) Yêu cầu Ủy ban nhân dân xã T cho biết cụ thể về xác định cung cấp một số hồ sơ có liên quan theo yêu cầu của Tòa án, bao gồm những tài liệu chứng cứ nào và chúng được xác lập tại thời điểm nào?

2) Hủy Công văn số 63/UBND –ĐCXĐ ngày 26/02/2018 của Ủy ban nhân dân xã T V/v trả lời đơn xin sao lục hồ sơ của bà Huỳnh Thị L.

3) Yêu cầu Ủy ban nhân dân xã T giải quyết lại nội dung yêu cầu trong đơn của bà ghi ngày 01/02/2018 về việc cung cấp cho bà các bản sao thông tin đất đai từ hồ sơ địa chính như “ sổ địa chính và các đơn “ xin kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất” của ông Phạm Tr Khiên, Phạm Tr Thoan, Huỳnh Văn Lâm và bà Nguyễn Thị Tuyết Hà.

Sau đó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T có Văn bản số 420/UBND-ĐCXĐ ngày 24/9/2018, về việc hủy Công văn số 63/UBND-ĐCXĐ ngày 26/02/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T. Cho nên tại phiên tòa sơ thẩm bà rút yêu cầu khởi 1 và 2, yêu cầu giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện thứ 3.

Người bị kiện trình bày:

Sau khi bà L nộp đơn yêu cầu ngày 01/02/2018 yêu cầu sao lục từ bản gốc trích từ sổ địa chính và các đơn đăng ký quyền sử dụng đất được xác lập từ năm 2003 trở về trước thuộc phạm vi các thửa đất mang số 66,67... tại địa chỉ thôn Tiến Bình, xã T, TP PT, tỉnh Bình Thuận thuộc tờ bản đồ số 01 năm 1995. Ủy ban nhân dân xã T đã cung cấp cho Tòa án các tài liệu chứng cứ nêu trên cho Tòa án nhân dân thành phố PT trong một vụ án khác, nhưng chỉ cung cấp các tài liệu Quyết định PAM, sơ đồ vị trí đất. Còn sổ địa chính và các đơn đăng ký quyền sử dụng đất của ông Phạm Tr Khiên, Phạm Tr Thoan, Huỳnh Văn Lâm và bà Nguyễn Thị Tuyết Hà thì hiện nay Ủy ban nhân dân xã T đang lưu giữ bản đồ đo đạc năm 1995. Tuy nhiên Ủy ban nhân dân xã T không lưu giữ “sổ địa chính” vì lý do đơn vị đo đạc thời điểm đó chỉ cung cấp bản đồ, không cung cấp sổ dã ngoại, sổ mục kê cho địa phương. Các đơn đăng ký quyền sử dụng đất do ông Phạm Tr Khiên, Phạm Tr Thoan, Huỳnh Văn Lâm và bà Nguyễn Thị Tuyết Hà không có đơn đăng ký nên Ủy ban nhân dân xã T không có.

Đối với yêu cầu thứ nhất của bà L: Ủy ban nhân dân xã T không có những tài liệu chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án nên không cung cấp được.

Đối với yêu cầu thứ hai của bà L: Do địa chính xã tham mưu chưa chính xác nên Ủy ban nhân dân xã T đã có công văn số 420/UBND-ĐCXĐ ngày 24/9/2018, về việc hủy nội dung Công văn số 63/UBND-ĐCXĐ ngày 26/02/2018 của Ủy ban nhân dân xã T.

- Đối với yêu cầu thứ 3 của bà L: Ủy ban nhân dân xã T không lưu giữ nên không thể cung cấp theo yêu cầu của bà L.

Tại Bản án Hành chính sơ thẩm số 01/2018/HS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân TP. PT đã quyết định:

1/Áp dụng: khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 31, khoản 1 Điều 115, Khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 116, Điều 118, Điều 119, điểm b, khoản 1 Điều 143. Khoản 2 Điều 165 của luật tổ tụng Hành chính 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

2/ Tuyên xử:

+ Đình chỉ 2 yêu cầu khởi kiện của Huỳnh Thị L:

- Yêu cầu Ủy ban nhân dân xã T cho biết cụ thể về xác định cung cấp một số hồ sơ có liên quan theo yêu cầu của tòa án, bao gồm những tài liệu chứng cứ nào và chúng được xác lập tại thời điểm nào?

- Hủy bỏ Công văn số 63/UBND –ĐCXĐ ngày 26/02/2018 của Ủy ban nhân dân xã T.

+ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị L:

Yêu cầu Ủy ban nhân dân xã T giải quyết lại nội dung yêu cầu trong đơn của bà ghi ngày 01/02/2018 về việc cung cấp cho bà các bản sao thông tin đất đai từ hồ sơ địa chính như “ sổ địa chính và các đơn “ xin đăng ký quyền sử dụng đất” của ông Phạm Tr Khiên, Phạm Tr Thoan, Huỳnh Văn Lâm và bà Nguyễn Thị Tuyết Hà.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 09/10/2018, bà Huỳnh Thị L làm đơn kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm; bà yêu cầu:

1. Căn cứ vào Điều 12 Hiến pháp 1992; khoản 1 Điều 8 Hiến pháp 2013; khoản 1,2 Điều 33 Luật Đất đai 1993 để xác định: Ủy ban nhân dân xã T là cơ quan quản lý, lưu trữ 02 loại chứng cứ là : “Sổ địa chính” và các “Đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất”

2. Căn cứ vào khoản 1 Điều 106 Bộ luật tố tụng dân sự để giải quyết yêu cầu thứ 3 của bà, cụ thể: Ủy ban nhân dân xã T giải quyết lại đơn yêu cầu của bà ghi ngày 01.02.2018 về việc cung cấp cho bà 02 chứng từ mà bà yêu cầu sao lục là “Sổ địa chính” và các “Đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất” để bà nộp cho Tòa án.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bà bà Huỳnh Thị L thay đổi, bổ sung yêu cầu kháng cáo như sau: Không kháng cáo đối với 02 yêu cầu khởi kiện đã được Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ, mà chỉ yêu cầu giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện thứ 3 và yêu cầu xem xét cả về phần tố tụng của Tòa án cấp sơ thẩm.

- Đại diện người bị kiện trình bày: Về yêu cầu khởi kiện của bà L, Ủy ban nhân dân xã T sẽ truy lục lại hồ sơ địa chính để tìm những tài liệu mà bà L yêu cầu, nếu do thất lạc mà trước đây bàn giao không có, thì Ủy ban nhân dân xã T sẽ hỏi các cơ quan có liên quan, nếu có thì Ủy ban nhân dân xã T sẽ đề nghị các cơ quan có lưu giữ sao lại cho Ủy ban và Ủy ban xã T sẽ cung cấp cho bà L, đối với tài liệu nào không có thì Ủy ban xã T sẽ có văn bản trả lời để bà L biết

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký và của Hội đồng xét xử phúc thẩm, cũng như việc chấp hành pháp luật của các đương sự là đúng quy định của pháp luật. Chấp nhận việc thay đổi, bổ sung yêu cầu kháng cáo của bà Huỳnh Thị L tại phiên tòa phúc thẩm;

Về yêu cầu kháng cáo của bà L, đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà L sửa toàn bộ Bản án sơ thẩm:

- Xác định người bị kiện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T.

- Do đối tượng khởi kiện là công văn số 63 đã bị hủy bỏ, do vậy việc xin cấp sao lục bản gốc từ “Sổ địa chính” và các “Đơn xin kê khai đăng ký quyền sử dụng đất” của bà

L ghi ngày 01.02.2018 sẽ được Ủy ban nhân dân xã T giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

- Do sửa án nên người khởi kiện không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm, người kháng cáo không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Căn cứ tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm bà Huỳnh Thị L rút một phần yêu cầu kháng cáo, không yêu cầu giải quyết đối với 02 yêu cầu khởi kiện đã được tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ xét xử; xét thấy việc rút một phần kháng cáo của bà L là tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận và đình chỉ xét xử phúc thẩm phần này.

[2] Về người bị kiện và quan hệ pháp luật bị khởi kiện:

[2.1] Về người bị kiện:

Bà Huỳnh Thị L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết 03 nội dung; trong đó yêu cầu khởi kiện thứ 02 là hủy công văn số 63/UBND – ĐCXĐ ngày 26/02/2018 do ông Tổng Duy Mạnh ký với tư cách là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T là đúng thẩm quyền, chứ ông Tổng Duy Mạnh không thay mặt Ủy ban nhân dân xã T ký công văn số 63/UBND – ĐCXĐ nêu trên. Do đó, người bị kiện trong vụ án này là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T; nhưng tòa án cấp sơ thẩm xác định người bị kiện Ủy ban nhân dân xã T là không đúng, nên hội đồng xét xử sẽ sửa phần này.

[2.2] Về quan hệ pháp luật bị tranh chấp:

Bà Huỳnh Thị L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết 03 nội dung; trong đó yêu cầu khởi kiện thứ 02 là hủy Công văn 63/UBND – ĐCXĐ ngày 26/02/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T;

Theo Điều 3 Luật Tổ tụng hành chính thì yêu cầu khởi kiện này của bà L là khiếu kiện Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai.

Như vậy, trong vụ án này có hai quan hệ pháp luật bị tranh chấp là khiếu kiện Quyết định hành chính và hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai.

Nhưng Tòa án cấp sơ thẩm xác định vụ kiện “*Khiếu kiện hành vi hành chính*” là thiếu, nên hội đồng xét xử phúc thẩm sẽ sửa phần này như phần đầu bản án đã xác định.

[3] Về nội dung:

Xét việc bà Huỳnh Thị L kháng cáo yêu cầu Ủy ban nhân dân xã T giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện thứ 3 là: Giải quyết lại đơn yêu cầu của bà ghi ngày 01.02.2018 về việc cung cấp cho bà 02 tài liệu bản sao là “Sổ địa chính” và các “Đơn xin kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất” của ông Phạm Tr Khiên, Phạm Tr Thoan, Huỳnh Văn Lâm và bà Nguyễn Thị Tuyết Hà xác lập, lưu trữ từ năm 2003 trở về trước thuộc các thửa đất 66,67,... tại thôn Tiến Bình, xã T, thành phố PT (thuộc tờ bản đồ số 1 năm 1995).

Hội đồng xử án xét thấy:

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện người bị kiện xác định: Các tài liệu mà bà L yêu cầu Ủy ban nhân dân xã T cung cấp, theo quy định của pháp luật về đất đai trước đây do Ủy ban nhân dân xã T quản lý; nhưng hiện nay Ủy ban nhân dân xã T không có, do trước đây cơ quan đo đạc không bàn giao hoặc do thất lạc; nay theo yêu cầu của bà L thì Ủy ban

nhân dân xã T sẽ truy lục lại hồ sơ địa chính để tìm những tài liệu mà bà L yêu cầu, nếu có thì Ủy ban xã T sẽ cung cấp cho bà L, nếu không có thì Ủy ban nhân dân xã T sẽ hỏi các cơ quan có liên quan, nếu có thì sẽ sao lại để cung cấp cho bà L; đối với tài liệu nào không có thì Ủy ban nhân dân xã T sẽ có văn bản trả lời để bà L biết.

Nên, việc bà L yêu cầu Ủy ban nhân dân xã T cung cấp các tài liệu theo yêu cầu khởi kiện thứ 3 là có căn cứ.

Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm sẽ sửa bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận tại phiên tòa phúc thẩm, buộc Ủy ban nhân dân xã T phải thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật, để giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện thứ 3 của bà Huỳnh Thị L.

[3] Về án phí:

Do yêu cầu khởi kiện của bà L được chấp nhận, nên Ủy ban nhân dân xã T phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Người khởi kiện không phải chịu án hành chính sơ thẩm; hoàn trả tiền tạm ứng án phí sơ thẩm cho bà L.

Do sửa án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm. Hoàn trả tạm ứng án phí phúc thẩm cho bà L.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 3 Điều 218 Luật tổ tụng Hành chính;

Chấp nhận việc rút một phần yêu cầu kháng cáo của bà Huỳnh Thị L, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng về 02 yêu cầu khởi kiện của bà L đã được tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ xét xử;

- Căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính;

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Huỳnh Thị L; sửa Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2018/HS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố PT.

- Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 31 Luật tổ tụng Hành chính; khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị L: Buộc Ủy ban nhân dân xã T, thành phố PT, tỉnh Bình Thuận phải thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật, theo: *Đơn xin sao lục bản gốc trích từ “Sổ địa chính” và các “Đơn xin kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất” ngày 01.02.2018 của bà Huỳnh Thị L.*

- Bà Huỳnh Thị L không phải nộp án phí hành chính sơ thẩm, hoàn trả cho bà L 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm theo Biên lai thu tiền số 0020622 ngày 03.5.2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố PT.

- Ủy ban nhân dân xã T phải nộp 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm

- Bà Huỳnh Thị L không phải nộp án phí hành chính phúc thẩm; hoàn trả cho bà L 300.000 đồng tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số 0023719 ngày 16/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố PT.

- Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, đã có hiệu lực pháp luật.

Án xử phúc thẩm, công khai có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày tuyên án 31.5.2019.

Nơi nhận:

- VKSND Bình Thuận;
- TAND TP. PT;
- Chi cục THADS TP. PT;
- Đương sự (theo địa chỉ);
- Tổ HCTP TA tỉnh BT;
- Lưu hồ sơ, THC.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Đặng Văn Cường